

**CÔNG TY TNHH MTV
XI MĂNG HẠ LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0436/TB-VCHL-KDĐT
V/v đăng ký niêm yết giá tại công bố
giá VLXD định kỳ tại Sở Xây dựng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: **Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng**

Số:.....
ĐẾN Ngày:.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu:.....

Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng công bố giá sản phẩm Xi măng Vicem Hạ Long do Công ty chúng tôi sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

I. Thành phần hồ sơ:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Giấy chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm bắt buộc phải công bố hợp quy theo danh mục được quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/06/2023 của Bộ Xây dựng.
4. Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm, kèm theo hồ sơ kiểm định chất lượng của cấp có thẩm quyền cấp.

II. Thông tin khác:

1. Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM.
2. Nhà sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố giá: Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM).
3. Thông tin liên lạc của cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax): Bà Nguyễn Thị Bích Thủy, (ĐD 0939.639.935, Email: nguyenthibichthuy@vicemhalong.vn).
4. Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **23/03/2026** đến khi có thông báo mới đối với loại xi măng: Xi măng Vicem Hạ Long PCB40 dạng bao (50kg \pm 0,5 kg), Xi măng Vicem Hạ Long Bền Sun Phát PCB40-MS dạng bao (50kg \pm 0,5 kg), Xi măng Vicem Hạ Long Xây tô dạng bao (40kg \pm 0,4 kg), Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 dạng bao (50kg \pm 0,5 kg).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **01/04/2026** đến khi có thông báo mới đối với loại xi măng: Xi măng Vicem Hạ Long PCB40 dạng rời (Xá), Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 dạng rời (Xá).

Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Giá.

Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P. KD-TT



Phó giám đốc

Ths. Nguyễn Văn Dũng

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 0436/TB – VCHL – KDDT ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long)

1. Mức giá niêm yết:

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Chênh lệch so với kỳ công bố trước. Tỷ lệ tăng/giảm (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]
1	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	Đồng/tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB40	Dạng bao PP (50kg ± 0,5 kg)	Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	Việt Nam		Nhận hàng tại nhà máy (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và chi phí khác.	- Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 23/03/2026 đến khi có thông báo mới	1.259.259	4,62%
2	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	Đồng/tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB40	Dạng bao KPK (50kg ± 0,5 kg)						1.277.778	4,55%
3	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long Bền Sun Phát PCB40-MS	Đồng/tấn	TCVN 7711:2013	Dạng bao (50kg ± 0,5 kg)						1.259.259	4,62%
4	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long Xây tô	Đồng/tấn	TCVN 6260:2020 dành cho Xây tô	Dạng bao (40kg ± 0,4 kg)						1.259.259	4,62%
5	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50	Đồng/tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB40	Dạng bao (50kg ± 0,5 kg)						1.314.815	4,41%
6	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	Đồng/tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB40	Dạng rời (Xá)					- Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	1.175.926	5,83%
7	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50	Đồng/tấn	QCVN16:2023/BXD; TCVN 6260:2020 dành cho PCB50	Dạng rời (Xá)						1.268.519	5,38%



2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá (trường hợp có sự thay đổi): Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng do ảnh hưởng từ nguồn cung thị trường, dẫn đến việc giá bán niêm yết tăng so với kỳ trước.
- Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **23/03/2026** đến khi có thông báo mới đối với loại xi măng: Xi măng Vicem Hạ Long PCB40 dạng bao (50kg ± 0,5 kg), Xi măng Vicem Hạ Long Bền Sun Phát PCB40-MS dạng bao (50kg ± 0,5 kg), Xi măng Vicem Hạ Long Xây tô dạng bao (40kg ± 0,4 kg), Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 dạng bao (50kg ± 0,5 kg).
 - Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **01/04/2026** đến khi có thông báo mới đối với loại xi măng: Xi măng Vicem Hạ Long PCB40 dạng rời (Xá), Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 dạng rời (Xá).

Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Luật Giá.

Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: P.KD-TT



Ths. Nguyễn Văn Dũng

Ghi chú:

- Những mục có dấu (*) là bắt buộc;
- [2] Nhóm vật liệu: danh sách nhóm đã quy định tại tệp dữ liệu điện tử mẫu;
- [5] Tiêu chuẩn kỹ thuật: ghi tiêu chuẩn sản xuất (tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn cơ sở), nếu không có thông tin thì ghi “không có thông tin”;
- [6] Quy cách: tính năng kỹ thuật, kích cỡ, màu sắc, chủng loại, kiểu cỡ...;
- [7] Nhà sản xuất: tên đơn vị sản xuất;
- [8] Xuất xứ: ghi tên nước sản xuất (nếu có);
- [9] Điều kiện thương mại: khối lượng cung cấp, điều kiện giao hàng...;
- [10] Vận chuyển: ghi thông tin về vận chuyển như: giao trên phương tiện bên mua; bán kính...km... (nếu không có thì ghi “không có thông tin”);
- [12] [13] [14] Khu vực:
 - + “Khu vực...” là tên một hoặc một nhóm đơn vị hành chính;
 - + Việc phân chia khu vực để công bố giá vật liệu xây dựng theo đặc điểm của địa phương;
 - + Vật liệu có giá bán tại nơi sản xuất/cung cấp thì cột “khu vực” ghi tên đơn vị hành chính của nơi bán, đồng thời tại mục ghi chú ghi “Giá tại nơi bán”.

